

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----\*-----

Bản án số: **301/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: 19/8/2020  
V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Phạm Thị Thúy An.**

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

**1. Ông Đỗ Công Minh.**

**2. Ông Huỳnh Thanh Minh.**

**- Thư ký phiên tòa:** **Ông Nguyễn Văn Nguyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 171/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh G.

**- Bị đơn: Phạm Ngọc T**, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại Đơn khởi kiện ngày 17/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Thanh H trình bày:* Anh và chị T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 01/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, thường hay cãi nhau. Đến ngày 25/12/2019 âm lịch, chị T về quê ở Bình Đại ăn tết. Sau đó, anh có đến đón chị T về nhưng chị T không về. Cho nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

**- Về con chung, về tài sản chung, nợ chung:** Không có.

\* Bị đơn chị Phạm Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Tr cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 41, ngày 01/7/2019 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Chị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt chị T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh H yêu cầu được ly hôn với chị T do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, thường hay cãi nhau. Đến ngày 25/12/2019 âm lịch, chị T về quê ở B ăn tết. Sau đó, anh có đến đón chị T về nhưng chị T không về. Cho nên vợ chồng anh ly thân từ đó đến nay. Hiện nay, anh không còn tình cảm vợ chồng với chị T. Hơn nữa, từ khi anh H xin ly hôn, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T không đến Tòa để trình bày ý kiến, chứng tỏ chị T muốn bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình, không còn thiết tha hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trường phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **\*Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân:
  - + Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh H.
  - + Anh Nguyễn Thanh H được ly hôn với chị Phạm Ngọc T.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0017752 ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Như vậy, anh H đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm. Riêng chị T thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**\*Nơi nhận:**

- VKSND huyện GCD;
- Chi cục THADS huyện GCD;
- UBND xã Th, huyện B, tỉnh Tr;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Thúy An**